



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12016/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=1 và Kv=0,6
				KT1	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	108	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	5.280	-
3	Vận tốc	US EPA Method 2	m/s	7,44	-
4	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	8,5	-
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	300
6	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	28,50	600
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	38,92	510
8	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	12	120

- Vị trí lấy mẫu:

- KTI: Khí thải lò hơi KENWANEE, công suất 5 tấn/h.

Tọa độ: X= 1198895, Y= 610790

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=1 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12017/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B, Kp=1 và Kv=0,6
				KT2	
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	152	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.660	-
3	Vận tốc	US EPA Method 2	m/s	8,13	-
4	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	8,6	-
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	300
6	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	14,82	600
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	45,55	510
8	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	6	120

- Vị trí lấy mẫu:

- KT2: Khí thải lò hơi SCHNEIDER KESSEL, công suất 3,2 tấn/h.

Tọa độ: X= 1198900, Y= 610794

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=1 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12018/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT3	Cột B, Kp=1 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	142	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3,540	-
3	Vận tốc	US EPA Method 2	m/s	8,02	-
4	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	8,3	-
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	300
6	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	35,34	600
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	55,84	510
8	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	8	120

- Vị trí lấy mẫu:

- KT3: Khí thải lò hơi KENWANE, công suất 3,5 tấn/h.

Tọa độ: X= 1198904, Y= 610796

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=1 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12019/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT4	Cột B, Kp=1 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	161	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1.440	-
3	Vận tốc	US EPA Method 2	m/s	17,56	-
4	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	8	-
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	300
6	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	230,28	600
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	66,33	510
8	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	30	120

- Vị trí lấy mẫu:

- KT4: Khí thải máy phát điện DALESER 9714530102P.

Tọa độ: X= 1198888, Y= 610748

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=1 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Trương Ngọc Trâm

Trương Ngọc Trâm

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12020/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT5	Cột B, Kp=1 và Kv=0,6
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	186	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.160	-
3	Vận tốc	US EPA Method 2	m/s	10,52	-
4	Hàm ẩm	US EPA Method 4	%	8,1	-
5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	300
6	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	215,46	600
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	53,97	510
8	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	34	120

- Vị trí lấy mẫu:

- KT5: Khí thải máy phát điện CATERPILLAR.

Tọa độ: X= 1198885, Y= 610752

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=1 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12022/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 **Thời gian thử nghiệm** : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột B, Kq=0,9 và Kf=1,0
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	5,5 ÷ 9
2	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	17	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	12	90
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	15	45
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	29	135
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,2	9
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	11	36
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,27	5,4
9	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	KPH (MDL=0,1)	1,8
10	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,09
11	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,45
12	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	mg/L	KPH (MDL=0,03)	9
13	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,45
14	Sắt (Fe) ^(a)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,10	4,5
15	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,09
16	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,9
17	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	1,8
18	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,07	2,7

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19	Niken (Ni)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,45
20	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,009
21	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,09
22	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,45
23	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,09
24	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,02)	0,9
25	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3	-
26	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,7	9
27	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	$1,5 \times 10^3$	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 1198998, Y= 610787

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=0,9 và Kf=1,0: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Trương Ngọc Trâm

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12021/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/12/2025 – 29/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B, Kq=0,9 và Kf=1,0
				NT1	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,4	5,5 ÷ 9
2	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	73	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	218	90
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	1.471	45
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	2.851	135
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	16,9	9
7	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	48	36
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,39	5,4
9	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	4,7	9
10	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	56x10 ³	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 1198890, Y= 610747

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=0,9 và Kf=1,0: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12013/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả KKI			QCVN 27:2010/ BTNMT	
				Lần 1 (08h30)	Lần 2 (11h00)	Lần 3 (16h00)	6h – 21h	21h – 6h
1	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	37,0	38,0	39,0	70	60

- Vị trí lấy mẫu:

- KKI: Không khí khu vực xung quanh tại số nhà 33/12 Đặng Văn Bi (Gần khu vực lò hơi).

Tọa độ: X= 1198897, Y= 610787

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12014/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả KK2			QCVN 27:2010/ BTNMT	
				Lần 1 (08h33)	Lần 2 (11h05)	Lần 3 (16h05)	6h – 21h	21h – 6h
1	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	40,0	39,0	41,0	70	60

- Vị trí lấy mẫu:

- KK2: Không khí khu vực xung quanh tại số nhà 49 Đặng Văn Bi (Gần khu vực trạm XLNT của nhà máy).

Tọa độ: X= 1198877, Y= 610740

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. “-”: Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12015/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM
Địa chỉ : Lô O51, Khu Nhà Vạn Phúc 1, Đường Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT - 12 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã đơn hàng : 25.2974
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Thời gian lấy mẫu : 08/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả KK3			QCVN 27:2010/ BTNMT	
				Lần 1 (08h36)	Lần 2 (11h10)	Lần 3 (16h10)	6h – 21h	21h – 6h
1	Độ rung	TCVN 6963:2001	dB	37,0	36,0	35,0	70	60

- Vị trí lấy mẫu:

- KK3: Không khí khu vực xung quanh trước cổng nhà máy.

Tọa độ: X= 1199024, Y= 610824

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025